

Bản án số: 156/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 12 - 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn
giữa chị Nhung và anh Diễm”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hồng Minh;

Ông Đặng Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mai Vi Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm E, xã X (xã X cũ), huyện X, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm E, xã X (xã X cũ), huyện X, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị N, anh D đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2024, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày

14/10/2010. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng do tính tình, lối sống không hòa hợp, trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Ngoài ra, anh D cũng không chăm lo cho cuộc sống gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 19/8/2011; cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 15/8/2015 và cháu Nguyễn Đức T1 sinh ngày 03/12/2020. Hiện cháu L và cháu T đang ở với chị N, còn cháu T1 thì ở với anh D. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả 3 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không cho ai vay nợ và cũng không nợ gì của ai nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/10/2024, anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận việc kết hôn như chị N đã trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình, lối sống không hoà hợp. Trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh không nhất trí ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị N, muốn cùng chị N chung sống hạnh phúc và cùng vợ nuôi dạy và chăm sóc các con.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung như chị N trình bày là đúng. Trong trường hợp nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả 3 con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã X:

- Anh D và chị N đều có hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/10/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn khiến anh chị không hợp nhau và không tìm được tiếng nói chung, lối sống không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ngoài ra địa phương cho biết gần một năm nay anh D thường xuyên rượu chè và chửi bới vợ con, địa phương cũng đã động viên khuyên giải rất nhiều lần nhưng không có kết quả. Địa phương thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D

không có cơ hội để hàn gắn đoàn tụ, có níu kéo cũng không hạnh phúc. Vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết ly hôn cho chị N và anh D.

Về con chung: Chị N và anh D có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 19/8/2011; cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 15/8/2015 và cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 03/12/2020. Hiện cháu L và cháu T đang ở với chị N, còn cháu T1 thì ở với anh D. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 03 con không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, còn anh D cũng có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 03 con không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của địa phương là căn cứ vào tình hình thực tế để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho trẻ được phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên, ngoài ra anh D còn là người hay say rượu và chửi bới vợ con, để các cháu có cuộc sống tinh thần ổn định và yên tâm học tập, đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 19/8/2011 và cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 15/8/2015 cho anh D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Đức T1 sinh ngày 03/12/2020 cho chị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và công nợ: Chị N và anh D thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung, không liên quan kinh tế với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn có nợ cá nhân nào hay không địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn, bị đơn đều đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử lý hôn giữa chị N và anh D; giao cả 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 19/8/2011 và cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 15/8/2015 cho anh D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Đức T1 sinh ngày 03/12/2020 cho chị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh D kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn theo chị N là do tính tình lối sống không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung, anh D thường xuyên uống rượu say xỉn, chửi bới vợ con, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn tan vỡ, không thể hàn gắn đoàn tụ nên chị xin ly hôn anh D; mặc dù không muốn ly hôn nhưng anh D không có giải pháp hàn gắn và thay đổi, chứng tỏ anh D cũng không còn thiết tha, mặn mà với cuộc sống vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh D mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị N và anh D có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 19/8/2011; cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 15/8/2015 và cháu Nguyễn Đức T1 sinh ngày 03/12/2020. Hiện cháu L và cháu T đang ở với chị N, còn cháu T1 thì ở với anh D. Trong bản tự khai chị N có nguyện vọng nuôi cả 03 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Hai cháu L và T đều trình bày nguyện vọng muốn ở với bố và muốn em trai còn nhỏ thì được mẹ chăm sóc sẽ tốt hơn, em nhỏ thì cần sự âu yếm, chăm sóc, vỗ về của người mẹ. Xét điều kiện hoàn cảnh thực tế của các đương sự, điều kiện kinh tế, nơi ăn chốn ở và môi trường học hành, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, để chị N trực tiếp nuôi cháu nhỏ tuổi nhất là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 03/12/2020 và giao cả 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 19/8/2011 và cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 15/8/2015 cho anh D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 19/8/2011 và cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 15/8/2015 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 03/12/2020 cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Chị Lê Thị N có trách nhiệm giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L và cháu Nguyễn Bảo T cho anh Nguyễn Văn D nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn D có trách nhiệm giao con chung là cháu Nguyễn Đức T1 cho chị Lê Thị N nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Chị Lê Thị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000268 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Lê Thị N đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã Xuân Phúc;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung